

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 17-5-2021.

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN G**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đào Nữ Ngọc Lan

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông: Nguyễn Thanh Tùng

Ông Lê Minh Cheo

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Kim Liệu

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An G*** tham gia phiên tòa:  
***Không tham gia***

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 5 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1998; nơi cư trú: 189C, đường Đoàn Thị N, khu phố 5, phường 10, thành phố T, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hà G, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khóm N, thị trấn C, huyện T, tỉnh An G (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn ngày 24-01-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Hà G qua thời gian tìm hiểu nên vào ngày 01-11-2019 bà và ông G đã tự nguyện đi đến hôn nhân, chưa tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Sau khi đăng ký kết hôn, giữa bà và ông G chưa chung sống vợ chồng, ông G hứa sẽ cùng bà về sinh sống và làm việc tại Tiền Giang, tuy nhiên sau đó không hiểu vì lý do gì ông G không giữ lời hứa như ban đầu, bà đã nhiều lần liên lạc,

nhưng ông G cố tình tránh né, thời gian đến nay đã hơn 01 năm. Nay nhận thấy tình cảm giữa bà và ông G không thể tiếp tục, bà xin ly hôn với ông Nguyễn Hà G

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai bị đơn ông Nguyễn Hà G trình bày: Ông thừa nhận nội dung như phần trình bày của bà Trần Thị Thanh T. Ông và bà đã tự nguyện đi đến hôn nhân, chưa tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, chưa chung sống vợ chồng. Tình cảm giữa ông và bà T không hợp nhau. Nay bà Trần Thị Thanh T xin ly hôn, ông G đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Thanh T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên các bên đương sự đều xin vắng mặt tại phiên họp, do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Thanh T có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hà G có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hà G cư trú tại khóm Núi Nước, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T và bị đơn ông Nguyễn Hà G có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bà T và ông G.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên giữa ông G và bà T sau khi kết hôn, do tính tính không hợp nên ông G và bà T không chung sống vợ chồng, thời gian từ sau khi đăng ký kết hôn đến nay, ông G và bà T cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà Trần Thị Thanh T xin ly hôn ông Nguyễn Hà G cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, tuy nhiên giữa bà T và ông G không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, ông G và bà T từ sau khi đăng ký kết hôn vào năm 2019 cho đến nay, bà T và ông G không chung sống vợ chồng và cả hai cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông G rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hà G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Hà G, khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng Điều 14, Điều 56, của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Hà G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003249 ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An G;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đào Nữ Ngọc Lan**